

Hans Christian Andersen

Đôi giày hạnh phúc.

Truyện cổ C. Andersen

Trong một ngôi nhà, cạnh Hoàng trường mới, phố Đông, thành Copenhagen, chủ nhà đang tiếp khách. Khác hôm ấy rất đông, chủ nhà vốn là hiếu khách, hơn nữa là để được mời lại.

Khách khứa người thì tập trung vào bàn thờ, người thì xúm nhau trò chuyện. Xen vào nhiều chuyện khác, họ bàn đến thời Trung Cổ. Hầu hết cho rằng thời ấy không hơn thời nay, chỉ riêng ngài hội thẩm Knap và thêm bà chủ nhà kiên quyết phản đối ý kiến ấy. Hai ngài cho rằng từ trước tới nay, thời vua Hanx là thời đại huy hoàng nhất, hạnh phúc nhất.

Lúc này ngoài phòng đợi, đầy áo choàng, gậy chống, ô, giày, có hai người hầu gái, một già một trẻ. Nhưng khách đã nhầm, hai bà không phải là người hầu phòng. Hai bà là hai nàng tiên. Cứ nhìn họ mà xem: bàn tay thanh tú, dáng ngồi, điệu đi lịch sự. Quần áo của họ cũng khác thường, đầy vẻ tao nhã.

Nàng tiên trẻ là thị tỳ của người hầu phòng của Thần may rủi, còn bà tiên già là Thần trừng phạt. Nàng tiên trẻ có nhiệm vụ đi phát của Thần may rủi. Bà tiên Thần trừng phạt có nét mặt nghiêm khắc đi kiểm soát kết quả của công việc.

Hai bà đang kể cho nhau nghe những công việc đã làm hôm ấy. Nàng tiên thị tỳ nói mới làm được mấy việc vặt: giữ cho chiếc mũ khỏi bị ướt mưa, chuyển cho người tài lời chào mừng của một kẻ vô lại nổi tiếng và mấy việc nữa cũng đại loại như thế. Nhưng nàng còn phải làm một việc nữa, một việc

dị thường là đem đôi giày làm quà cho người lớn dưới trần. Đôi giày có phép lạ hễ ai xỏ chân vào nhà thì muốn đi đến đâu hoặc muốn sống lại thời đại nào cũng được ngay tức khắc. Thật là sững! Nàng kết luận.

- Chưa chắc đâu! Bà tiên già, không khéo lại khở gần cửa ra vào, ai nhặt được thì nhặt.

Đêm đã khuya, chuyện đã vãn, ngài thẩm phán ra về. Ra đến cửa, đầu óc còn đang mãi nghĩ về thời đại vua Hanx, ngài thẩm phán xỏ nhầm vào đôi giày người thì tỳ vừa đặt. Đường về nhà ngài qua phố Đông, ngài bước về phía ấy, nhưng phép lạ của đôi giày lại đưa ngài quay trở lại thời vua Hanx, chân ngài lội vào bùn và qua các vũng nước, vì thời ấy các đường phố chưa đổ nhựa, hè phố chưa lát bê tông như bây giờ. Ngài vừa đi vừa ca cẩm:

- Bùn khiếp thật! Hè phố chẳng còn, đèn cũng tắt ngấm.

Trăng chưa mọc, sương mù nhiều, mọi vật chìm trong đêm tối. ở một góc đường gần đây có treo một ngọn đèn hắt ánh sáng xuống pho tượng đức mẹ nhưng ánh sáng mờ quá phải đến tận nơi mới nhìn rõ, trông thấy đức mẹ đang bế Hải đồng trên tay. Ngài nghĩ thầm:

- Có lẽ đây là một cửa hàng mỹ phẩm mà người ta quên cất mẫu quảng cáo. Vừa lúc ấy có hai người mặc quần áo thời cổ vượt lên trước ngài thẩm phán nói:

- Họ ăn mặc lạ nhỉ. Có lẽ họ vừa đi dự buổi khiêu vũ trá hình về.

Có tiếng trống và tiếng sáo nổi lên, ngài đứng lại thấy một đám rước diễu qua. Đi đầu là trống rồi đến thị vệ cầm cung tên và binh khí. Người chỉ huy đám rước là một nhà tu hành. Ngạc nhiên với cảnh lạ, ngài lẩm bẩm: "sao lại thế nhỉ? Người ấy là ai?" Có tiếng trả lời:

- Đây là Đức giám mục Xilen.

- Sao đức giám mục lại thế? Có lẽ không phải đâu, các ngài nhầm đấy.

Mãi suy nghĩ, chẳng nhìn đường, ngài hội thẩm đi qua phố Đông và quảng

trường Cầu lớn. Không sao tìm được cái cầu bắc sang quảng trường Cung điện, ngài chỉ thoáng nhìn thấy một con sông rộng và gặp hai người đang ngồi trên một chiếc thuyền. Họ hỏi: "Ngài có muốn qua sông Hô lông không?"

- Qua sông Hô lông à? Sao lại qua sông? Hỏi vợ vắn. Tôi muốn đến ngõ Crixtianhavu khu phố chợ (ngài hội thẩm quên là mình đang sống trở lại thời vua Hanx)

Thấy hai người kia ngạc nhiên nhìn ngài, ngài nói tiếp:

- Các ông chỉ dùm cho tôi lối lên cầu. Chẳng có đèn đuốc gì cả, tối đen như mực, lội bì bà bì bõm như đi trong ruộng lầy vậy. Bùn ời là bùn!

Ngài càng nói chuyện với hai người thủy thủ lại càng ngạc nhiên, chẳng hiểu họ nói gì. Ngài vùng vằng:

- Chẳng thể nào hiểu được tiếng địa phương của các bác!

Ngài bực tức quay phắt đi. Ngài không thể nào tìm ra được cái cầu, ngay cả lan can dọc bờ sông cũng chẳng có. Ngài lảo bẫm:

- Loạn thật!

Ngài chưa bao giờ thấy thời đại của ngài đang sống lại thảm hại đến thế.

Ngài nghĩ bụng:

- Có lẽ phải gọi một cái xe mà đi mới được.

Nhưng tìm đâu ra xe? tRông mỗi mắt cũng chẳng có cái nào. Ngài tự nhủ:

- Phải quay về Hoàng trường mới mà kiếm cái xe chứ không thì chẳng đến được Crixtianhavu được.

Ngài thậm phán quay trở lại phố Đông; đi gần đến phố thì trắng lên. Trông thấy công thành phía Đông, ngài kêu lên:

- Trời ơi! Người ta dựng cái đài này ở đây để làm gì kia chứ?

Cuối cùng ngài thậm phán cũng tìm ra được cỗ xe ngựa và ra đến quảng trường mới hiện nay. Thời xưa chỗ nàyy là một bãi trống chỉ có cỏ mọc và

một vài bụi cây; có một con sông đào chảy qua, đổ ra biển. Bờ bên kia có một vài túp lều gỗ tồi tàn của những thủy thủ xóm Halăng (vì vậy nơi ấy nay đặt tên là mũi Halăng).

Ngài trầm ngâm nghĩ bụng: ma quỷ ám mình hay mình say rượu thế này? Sao lại lung tung chẳng còn hiểu thế nào nữa! Có khi mình ốm rồi!

Ngày quay lại. Vào đến trong phố, ngài nhìn thấy rõ nhà cửa hơn, đa số vách thùng bằng thanh, mái lợp rạ.

Ngài lẩm bẩm:

- Sao người khó chịu quá! Mình chỉ uống có một cốc rượu pha đường thôi thì sao thấy khó chịu thế? Lại cho mình rượu pha đường với hồi nóng nữa chứ. Thật là điên! Các bà vợ quan nội thần này ác thật! Hay là mình quay lại để cho họ biết họ làm ăn linh tinh. Nhưng chắc gì họ còn thức? Mà như vậy cũng dở lắm.

Ngài tìm sân nhà, nhưng tìm không ra. Ngài lẩm bẩm:

- Không sao nhận ra phố Đông nữa. Chẳng còn cái nửa hiệu nào! Chỉ thấy trên những túp lều cũ kỹ tồi tàn như ở Rôtxôkin hay ở Rinhxtet. Mình ốm thật rồi! Nhà quan nội thần đâu rồi nhỉ? Quái thật! Sai ta lại ốm thế này! Thấy một nhà có ánh sáng lọt qua khe cửa. Đây là một quán trọ thời vua Hanx, một quán rượu bia. Căn phòng giống như quán rượu ở vùng Honxtanh. Trong quán đang có một số lính thủy, mấy người thành thị và hai nhà bác học. Cả mấy người đang trò chuyện náo nhiệt, trước mặt mỗi người một cốc bia. Ngài vội thăm mở cửa bước vào. Họ vẫn tiếp tục trò chuyện không để ý đến ngài. Bà chủ quán chạy đến. Ngài hỏi:

- Thưa bà, tôi thấy trong người khó chịu như muốn ốm. Bà có thể giúp tôi gọi hộ một cái xe chở tôi về Crixitianhavu được không?

Bà chủ quán ngó ra, lắc đầu trả lời bằng tiếng Đức. Ngài vội thăm cho là bà không biết tiếng Đan Mạch, nên hỏi bà ta lần này bằng tiếng Đức. Nghe

tiếng nói và cách ăn mặc của ông thẩm phán, bà chủ quan tin rằng ông là người nước ngoài. Bà ta hiểu là ông ấy ốm và mang ra cho ông một cốc nước mới hứng ở vòi ra nhưng có vị mặn. Nhấp thử, ngài lắc đầu:

Ngài ôm trán thở dài suy nghĩ về những hiện tượng kỳ lạ chung quanh mình.

Thấy bà chủ quán gấp một tờ giấy khổ rộng, ngài hỏi:

- Có phải tờ báo "Ban ngày" mới ra tối nay đây không?

Bà ta không hiểu ngài muốn nói gì, cứ chìa cho ngài tờ giấy đang gấp. Đây là một tờ tranh khắc gỗ, vẽ một hiện tượng thiên văn như ông đã nhìn thấy ở Côlônho. Ngài nói:

- Bức tranh này cổ lắm! Bà làm thế nào mà kiếm được bức tranh hiếm có này? Quý đây! Nhưng lời giải thích ghi trong tranh không hợp thời nữa, nó có vẻ hoang đường. Bây giờ người ta gọi hiện tượng ấy là một bắc cực quan, do điện gây ra.

Những người ngồi gần đấy thấy ngài thẩm phán nói đều lấy làm ngạc nhiên.

Một người đứng dậy, cung kính nói:

- Thưa ngài, chắc hẳn ngài là một nhà bác học đại tài!

- Không đâu! Tôi chỉ mỗi thứ biết một tí, như mọi người thôi.

- Ngài khiêm tốn quá!

- Tôi biết thế thì nói như thế, các ngài biết thêm gì cho tôi được học. Ngài hội thẩm nói với người kia: "Ngài có thể cho tôi biết quý danh được không?"

- Tôi là tú tài thánh thư, người kia trả lời.

Học vị của người ấy cũng phù hợp với cách ăn. Nhưng ngài hội thẩm nghĩ thêm:

- Đây hẳn là một lão hương sự loạn óc, còn sót lại ở một nơi hẻo lánh của xứ Giuytlăng.

Người xưng là tú tài thánh thư nói thêm:

- Đây không phải là một diễn đàn, nhưng mời ngài cứ tiếp tục phát biểu.

Chúng tôi rất thích được nghe, chắc là ngài am hiểu các tác gia thời xưa.

- Vâng, sách thời xưa bổ ích lắm, tôi rất thích đọc. Tôi cũng biết nhiều sách thời nay. Nhưng những "Truyện hàng ngày" thì tôi không thích vì cuộc sống thực tế cũng đã đủ lắm rồi.

- "Truyện hàng ngày" là truyện gì thưa ngài?

- Là những quyển tiểu thuyết mới viết hiện nay.

- Tôi thấy những quyển tiểu thuyết hiện nay cũng thú vị đấy chứ ạ! Đức vua cũng hay đọc. Người thích nhất cuốn "Ipven tiên sinh và Gôđiô tiên sinh" kể chuyện vua Actuyt và các hiệp sĩ bàn tròn.

- Chuyện ấy tôi chưa được đọc. Chắc là sách mới của nhà xuất bản Giêmen.

- Ông Giêmen là tác giả cuốn truyện có phải không?

Cái tên ấy nghe xưa lắm nhỉ. Đúng là tên nhà xuất bản đầu tiên của nước Đan Mạch đấy.

- Đúng ạ. Nhà in đầu tiên của chúng ta là nhà in Giêmen.

Câu chuyện đang vui bỗng có người nói đến trận dịch hạch xảy ra gần năm ấy nên họ cũng nhắc luôn cả chuyện quân cướp người Anh xông vào tận hải cảng cướp thuyền bè. Nghe thấy thế ngài hội thẩm lại tưởng họ nói về cuộc mưu sát năm 1801, nên những lời ngài nguyên rủa quân Anh trong vụ mưu sát ấy cũng vẫn khớp với câu chuyện.

Nhưng về sau câu chuyện trở nên chuech choạc. Cứ ông nói gà bà nói vịt, chẳng bên nào hiểu bên nào. Họ ngẩn người ra nhìn nhau. Đến khi bí quá, vị tú tài phải phát biểu bằng tiếng Latinh hy vọng với thứ tiếng ấy người ta sẽ hiểu ông. Nhưng cuối cùng thì ngài thẩm phán không hiểu ông, mà ngài thẩm phán nói gì ông cũng không hiểu.

Bà chủ kéo tay áo ngài thẩm phán hỏi:

- Bây giờ ngài thấy thế nào rồi?

Câu hỏi của bà chủ quán làm ngài sực tỉnh. Vì mãi nói chuyện, ngài đã quên

tất cả những sự việc vừa xảy ra lúc trước. Rồi khi nhớ lại chuyện cũ ngài choáng người kêu lên:

- Đây là đâu thế này, các ông?

Một vị khách hô lớn:

- Cùng nhau cạn chén, các vị! Rượu mật ong pha với bia xứ Brêmo. Xin mời ngài chạm cốc với chúng tôi.

Hai chị hầu bàn bưng khay ra, cúi chào khách rồi rót rượu.

- Rượu gì thế này? Ngài hội thẩm tự hỏi, không dám uống. Nhưng thấy người ta mời chào quá nên buộc lòng phải uống vậy. Có người bảo ngài say rượu, ngài tin vậy và nhờ thuê giúp cho một cái xe ngựa để về nhà. Nghe thấy ngài nói, người ta lại tưởng ngài nói tiếng Nga. Ngài chưa tiếp xúc với những người thô lỗ như thế bao giờ. Đất nước như lùi lại thời tà giáo. Ngài nghĩ thầm:

- Đây đúng là giờ phút kinh khủng nhất trong đời mình.

Ngài bèn chui xuống gầm bàn để bò ra cửa. Ngài bò ra gần đến nơi thì có người trông thấy. Họ vội nắm căng ngài lôi lại. Đôi giày tụt ra khỏi chân, phép lạ cũng biến mất. Ngài hội thẩm nhìn thấy trước mặt là một cột đèn đang chiếu sáng, còn phía sau là một toà nhà lớn. Bên cạnh ngôi nhà lớn là nhiều ngôi nhà khác đang đứng xếp hàng tiếp theo nó. Lúc này ngài đang ở phố Đông. Ngài vẫn còn đương bò dưới đất trước một cái cửa. Ngài trông thấy người tuần canh đang ngủ say trước mặt mình. Ngài ngồi lên, chung quanh và kêu lên:

- Quái thật! Sao mình lại nằm giữa đường mà ngủ thế này nhỉ. Giữa ngay phố Đông! Đèn ơi! Cảm ơn mày nhé! Mình chỉ uống một cốc rượu pha đường mà say như thế! Khiếp thật!

Hai phút sau ngài đã lên xe trở về Crixtinanhavu. Ngài nhớ lại những lo sợ khổ ải vừa trải qua và thậm khen cuộc sống thực tại sung sướng và hạnh

phúc, thấy rõ ràng thời đại chúng ta chưa hoàn hảo lắm, nhưng đã hơn nhiều cái thời đại ngài sống lúc này.

Bác tuần canh nghe tiếng động bùng tỉnh và reo lên:

- Ô này! Đôi giày của ai thế này? Chắc là của quan trung úy trên gác này.

Nhưng sao ngài lại để giày ở đấy thế?

Bác tuần canh đã định bấm chuông gọi cửa đem trả lại giày cho ngài. Nhưng bác thấy như vậy các nhà bên cạnh sẽ mất ngủ nên lại thôi, để sáng mai sẽ báo cho ngài biết.

Rồi buồn tay, bác sờ thử giày vào chân, miệng khen:

”Vừa khít. Da mềm quá! Đi êm!“

Xỏ thử vào giày rồi bác ngồi nghĩ:

- Ngài trung úy vậy mà sướng! Chẳng vợ chẳng con, không bán búa gì. Tối đến lại đi tiêu khiển đến các giới giàu sang. Ước gì mình được như ngài thì sướng.

Mong được ước thấy. Do phép lạ của đôi giày, bác tuần canh vừa ước thế thì liền nhập cả hồn lẫn xác và quan trung úy. Bác thấy mình đang sống trên gác, trong căn phòng của quan trung úy, tay cầm một mảnh giấy là bản thảo một bài thơ do quan trung úy viết. Đúng là của quan trung úy. Trong đời ai mà chả có lúc hồn thơ lai láng. Lúc ấy người ta viết những ý nghĩ của mình ra giấy thế là thành thơ. Nhưng bác tuần canh không thích thơ và cũng không thích làm quan trung úy. Mới thử một tí mà bác đã thấy chán, tiếc cái nghề tuần canh của mình, nó vất vả nhưng mà thích.

Do phép lạ của đôi giày, bác đang thử dài thì từ trung úy bác lại thành tuần canh, mừng là đã từ bỏ được cái nghề mới của mình. Vậy là thân tuần canh lại trở về với phận tuần canh.

Mình vừa mơ thấy một giấc mơ kỳ cục; tự dung lại thành ông trung úy ở trên gác, chẳng được hơn cái gì mà lại đâm ra nhớ mẹ thằng cu và mấy đứa

con.

Bác ngồi xuống cái ghế vẫn ngồi canh cúi đầu suy nghĩ mông lung. Bỗng trên trời có một vì sao đổi ngôi. Bác lẩm bẩm:

- Sao đổi ngôi! Chắc là đổi sang một thế giới sung sướng hơn. Ước gì mình được đến gần vì tinh tú ấy mà xem nhỉ. Nhất là lại được đến mặt trăng thì tuyệt. Giả được đi chơi một vòng trên ấy thì nếu có chết ở bậc cửa này cũng cam.

Trên đời này có nhiều điều phải dè dặt trong lời nói.

Xỏ đôi giày hạnh phúc vào lại càng phải thận trọng. Chuyện đã xảy đến với bác tuần canh như sau:

Vừa dứt lời, bác tuần canh đã vượt qua sáu vạn dặm lên tới cung trăng. Bác tuần canh sa vào một ngọn núi lửa thường thấy vẽ trên tấm bản đồ mặt trăng của nhà bác học Hat-le. Mặt trăng được cấu tạo bằng một chất nhẹ hơn trái đất của chúng ta, tựa như tuyết khi mới rơi xuống đất. Bác tuần canh thụt sâu xuống đến nửa dặm Đan Mạch. Bên dưới là một làng hoàn toàn một màu lòng trắng trứng hoà với nước, nhưng nom rõ cả cái tháp tròn, cửa cuốn ban thờ đựng đưa trên không. Trái đất của chúng ta tựa như một ngọn đèn không lò treo lơ lửng trên đầu. Trên mặt trăng có nhiều sinh vật mà trái đất ta gọi là người, nhưng họ không giống chúng ta. Họ cũng có tiếng nói linh hồn bác tuần canh nghe hiểu được.

Trên mặt trăng họ cũng có những cuộc tranh luận về trái đất chúng ta. Họ nêu giả thuyết trái đất có người sinh sống và bàn cãi. Nhiều ý kiến cho rằng không khí ở trái đất dày đặc quá, không thể sống được, chỉ có mặt trăng là có sinh vật mà thôi. Mặt trăng là tinh tú hoàn hảo nhất. Đây là nơi trú ngụ của người nhà trời thời cổ xưa.

Chúng ta quay lại phố cửa Đông xem bác tuần canh bây giờ thế nào.

Bác đang nằm chết ở bậc cửa, mắt bác ngược lên mặt trăng, nơi hồn bác

đang du ngoạn. Một người đi đường hỏi:

- Máy giờ rồi bác?

Thấy bác không trả lời, người ta véo vào mũi bác, lấy tay vả vào mồm bác. Bác vẫn nằm sóng sượt bất tỉnh như một xác chết. Ai thấy thế cũng sợ. Họ cho là bác chết rồi, không thể cứu chữa được. Nhưng tảng sáng họ vẫn đưa bác vào nhà thương. Chúng ta tưởng tượng xem khi trở bác về trái đất hồn bác không tìm thấy xác thì bối rối biết chừng nào. Chắc hẳn hồn bác phải chạy đến sở cảnh sát, rồi đến phòng giữ đồ đạc, đánh mất và cuối cùng đến nhà thương. Hồn con người được thả lỏng thì tinh khôn lắm. Chỉ khi nhập vào xác. Hồn mới trở thành đàn độn, nhất định nó sẽ tìm được xác bác tuần canh. Khi đem bác vào nhà thương, người ta đưa bác ngay xuống nhà xác. ở đây người ta chuẩn bị để nhập quan. Trước tiên phải cởi bỏ quần áo cũ và giày dép để lau rửa cho bác rồi mặc áo quần mới. Người hộ lý vừa tụt đôi giày ở chân bác tuần canh ra bỗng bác bật dậy. Thì ra hồn bác đã quay về tìm được xác bác và nhập vào và bác sống lại.

Bác tuần canh đã kể lại câu chuyện trong đêm và nói rằng đêm ấy là một đêm khủng khiếp nhất trong đời bác. Có cho bác hai đồng tiền mà bảo bác sống lại một đêm như thế, bác cũng xin chịu.

Ngay hôm ấy bác ra viện, nhưng đôi giày thì ở lại trong nhà thương.

Người dân thủ đô Copenhagơ không ai biết cách cửa vào bệnh viện Frêdêrich, nhưng tất cả các bạn đọc sách của tôi không phải ai cũng là người Copenhagơ, nên tôi muốn giới thiệu vắn tắt vài nét.

Từ ngoài phố đi vào nhà thương có một hàng rào sắt khá cao, chấn song sắt to và thưa, đủ cho trẻ con chui qua. Thông thường thì có cái đầu là khó chui nhất. Hễ đầu đi thì đuôi cũng lọt, người ta vẫn nói thế mà. Nhưng trường hợp sắp kể dưới đây có khác.

Một anh y tá phụ trẻ tuổi của nhà thương hôm ấy có phiên gác đêm. Mưa rào

nhưng anh ta vẫn muốn bỏ trốn đi chơi mười lăm phút. Tối trời lại mưa, chẳng ai ra ngoài lúc này, nên cậu gác chui qua lối cổng chính.

Vừa lúc ấy cậu ta trông thấy đôi giày bác tuần canh để quên. Giời mưa được đôi giày đi thì tiện quá. Cậu liền vơ lấy xỏ luôn vào chân. Rồi cậu ra phía cổng để chui qua hàng rào. Vừa đi cậu vừa lẩm nhẩm như cầu nguyện: "Lạy giời, sao cho đầu tôi lọt qua được!"

Nhờ phép lạ của đôi giày, cái đầu to tướng của cậu chui qua một cách dễ dàng. Giờ đến lượt cái mình. cậu cứ tưởng đầu đi thì đuôi lọt. Nhưng loay hoay mãi vẫn không lách bụng ra được.

- Không ngờ mình lại to béo thế. Cậu lẩm bầm một mình.

Xoay người đi, xoay người lại đến rách cả áo, cậu ta vẫn không sao qua được.

Oái oăm hơn nữa là rút đầu lại cũng không được. Thế là tiến thoái lưỡng nan! Cậu nổi cáu, không còn giữ được vui vẻ như ngày thường. Giầy giữa mãi cũng không ăn thua gì. Thế mới chết chứ!

Trời vẫn mưa như trút nước xuống, phố xá vắng tanh. Muốn với cái chuông để giật nhưng không với tới. Làm thế nào để thoát khỏi bước nguy khốn này. Chưa biết chừng cứ phải đứng như thế này cho đến sáng, rồi nhờ ông thợ khoá đến cửa một song sắt đi. Nhưng vậy thì lâu quá, mưa rét thấm vào người cảm mất; rồi các chị nhà bếp và bọn trẻ con kéo nhau đến xem và bêu xấu mình.

- Ôi nguy quá! Nguy quá! Ước gì thoát khỏi nơi này! Cậu vừa dứt lời liền rút được đầu ra ngay. Giá cậu biết đôi giày có phép lạ thì phải ước sớm hơn nhưng cậu không hay biết gì cả.

Hết tội ấy lại đến tội khác, rõ khổ cho cậu phụ tá bệnh viện. Tôi xin kể tiếp để bạn đọc nghe.

Ngày tối hôm ấy tại câu lạc bộ có đêm văn nghệ. Chương trình có tiết mục

ngâm thơ. Đầu đề bài thơ là: "Đôi kính lão của bà nội".

Nội dung bài thơ như sau: Bà nội có đôi kính nhìn thấy suốt tâm can mọi người, nhìn ai là đọc được những ý nghĩ thầm kín của người ấy. Cậu phụ tá nhà thương cũng có mặt trong buổi văn nghệ ấy. Trời mưa đường lội nên cậu ta vẫn kéo đôi giày bắt được hôm trước, vì không thấy ai đến đòi.

Cậu ta cứ suy nghĩ về chủ đề bài thơ và ước ao có được cái kính như thế nào thì cậu cũng có thể thấu suốt tâm can mọi người.

Nếu mình đột nhập vào đáy lòng các ông bà khán giả ngồi ghế hàng đầu kia thì mình sẽ lục lọi khắp chỗ trong lòng họ như lục lọi một kho hàng. Lòng bà này thì như một ngăn chứa đầy quần áo đủ kiểu đủ mốt; lòng bà kia thì rộng tuếch chẳng có gì. Lòng bà thứ ba con tim thấy mình mời chào rồi rút lại xem. giá mình lọt được vào một con tim nhỉ!

Cầu được ước thấy.

Cậu chui ngay vào tim một bà sang trọng. Cậu thấy tim bà ta như một mỹ viện. Cậu vào một căn phòng, trên tường treo nhiều chân tay dị dạng. ở đây khác với mỹ viện. ở mỹ viện, người tàn tật đến mới làm khuôn, còn trong tim bà thì những con người tội nghiệp không cần trình diện cũng được làm khuôn và khuôn được giữ lại cẩn thận. Bà chủ có toàn bộ chân dung các bạn của bà rất phong phú làm nổi bật những nhược điểm về thể chất và tinh thần từng người.

Lục lọi xong trái tim bà thứ nhất, cậu phụ tá sang trái tim một bà khác. Tim bà thứ hai này giống như một toà nhà thờ rộng lớn và thần bí. Chim bồ câu trắng tượng trưng cho sự trong sạch xoè cánh trên bàn thờ. Nếu không phải đi sang trái tim khác thì cậu ta đã quỳ xuống rồi. Sang đến trái tim khác vẫn còn nghe vọng thấy tiếng phong cầm. Tìm trong danh sách các vị tai to mặt lớn thế nào cũng thấy tên bà.

Bước sang trái tim khác, anh thấy như vào một phòng khách dát toàn bằng

gương như trong lâu đài Rôxăngpo nhưng khác ở lâu đài kia là gương ở đây phóng đại mọi vật lên to một cách ghê ghớm.

Sau cùng cậu ta vào một trái tim, cậu thấy bí rì, gỡ mãi mới tìm được lối ra. Đến đây thấy mệt rồi, cậu đành chỉ việc khám nghiệm. Cậu thấy choáng váng, đầu óc quay cuồng, thân thể bất an.. Và cậu ta nghĩ ngay đến cách chữa là nước tắm nước nóng.

- ước gì mình được ở trên bậc cao nhất của phòng tắm để nước đầy đủ và có độ nóng tốt nhất.

Cầu sao được vậy. Hơi nước tụ thành giọt nhỏ xuống mặt cậu. Nước nóng quá! Cậu thét lên và nhảy bổ sang phòng tắm nước lạnh. Cậu hầu phòng thét lên khi thấy cậu ta mặc cả quần áo vào buồng tắm. Cậu ta đã nhanh trí biện bạch.

- Tôi chơi đánh cuộc đấy mà.

Về đến nhà, việc đầu tiên là cậu ta dán ngay một lá cao lên gáy và lưng để khỏi phát điên. Vậy mà hôm sau lưng cậu ta vẫn rộp cả lên.

Đi đôi giày hạnh phúc vào, cậu ta sướng thế đấy.

Mấy hôm sau cũng chẳng thấy ai đến nhận đôi giày, bác tuần cảnh để đem đến sở cảnh sát.

Một ông tham làm việc tại đó, ngắm nghía đôi giày, rồi đặt cạnh đôi giày của mình, ông bảo:

- Hai đôi giày giống nhau như hệt. Ngay thợ giày cũng khó phân biệt đôi nào với đôi nào.

Có người cầm lá đơn đến trình:

- Bẩm quan tham!

Ông tham quay lại nói vài câu, rồi quay lại chỗ để giày. Nhưng ông chẳng còn nhớ đôi giày nào là của mình. Ông nghĩ đôi nào ướm là của mình.

Nhưng ông ta đã nhầm, chính đôi giày ướm là đôi giày hạnh phúc.

Ông tham xỏ giày, nhét công văn vào túi đem về nhà xem. Thấy đẹp trời ông đi dạo một lúc lên quảng trường Frêdêrich. Vừa đi ông vừa ngắm cảnh. Ông nhìn chim chóc nhảy nhót ca hát vui vẻ trên cành và nói như than thở:

- Chúng sướng thật! Sướng hơn ta nhiều! Bay bổng tít trên trời, đi mây về gió, tha hồ tung cánh. ước gì mình cũng bay được như chúng!

Vừa nói xong, cánh tay và vạt áo của ông biến thành cánh chim, vải biến thành lông, giày biến thành chân chim. Ông đã thay hình đổi dạng và nghĩ thầm:

- Vậy là mình đã thành chim, tha hồ bay lượn. Tất cả vạn vật đều ở dưới ta. Bạn của ta là nắng, là gió, là mây.

Vừa nói một mình như thế, ông tham bây giờ là chim sơn ca, chao lên đảo xuống. Một lúc lâu, ông xà xuống, ngó nghiêng tứ phía. Bỗng có cái gì to lớn úp chụp lên người ông. Thì ra một chú bò đi ngang qua đấy, thấy con chim đẹp liền lấy mũi chụp lấy và nắm chắc mang đi.

Ông tham hoảng quá, ông kêu lên:

- Bỏ tao ra, đồ ranh con! Có bỏ ra không?

Thằng bé chỉ nghe tiếng chim chiêm chiêm nên chẳng biết là ông tham.

Dọc đường, nó gặp hai cậu học trò. Các cậu hỏi mua thằng bé đồng ý bán với giá tám si linh. Thế là ông tham được chúng đem về phố Gôt, kinh thành Copenhagơ.

Mấy đứa trẻ mang ông vào một ngôi nhà đẹp. Một bà to béo ra đón chúng.

Nhưng bà tỏ vẻ không thích chim sẻ (bà gọi chim sơn ca, tức ông tham là chim sẻ); bà ta chỉ cho đem vào một ngày thôi mà phải nhốt vào lồng, treo ở cửa sổ.

- Có lẽ Pốp thích lắm đây! Bà vừa nói vừa chỉ tay vào một con vẹt xanh to tướng đang lắc lư cái đầu trong chiếc lồng bằng đồng thau. Hôm nay vừa đúng là ngày sinh nhật của Pốp. Con chim sẻ sẽ chúc mừng nó.

Một con hoàng yến trong lồng hót vang. Bà to béo mắng và vút cái giẻ trắng trùm lên lồng nó. Con chim hoàng yến kêu thêm vài tiếng rồi im bật. Ông tham (tức chim sẻ) được nhốt vào lồng bên cạnh lồng hoàng yến, đặt gần lồng con vẹt. Con vẹt oang oang một tràng tiếng người mà chủ dạy nó. "Thôi thôi để yên cho chúng tao sống làm người với chứ!".

Hoàng yến cũng hót lên cho người bạn mới nó là con chim sẻ nghe:

"Mới đây không lâu tôi còn bay lượn dưới bóng dừa xanh và bóng cây hạnh đang nở hoa. Tôi bay cùng các anh chị tôi trên rừng hoa thơm ngát, trên mặt biển trong vắt, trên bờ rợp bóng cây. Tôi cũng đã nghe nhiều con vẹt hót nhiều chuyện rất hay rất lạ.

Vẹt ngắt lời:

- Anh nghe đấy là vẹt rừng. Chúng không được dạy dỗ gì cả. "Thôi thôi để yên cho chúng ta sống làm người với chứ! Sao mày không cười lên. Bà chủ và khách cũng đang cười kia kìa. Mày không biết thưởng thức những cái hay cái dở ở đời. Thôi thôi! để yên cho chúng tao sống làm người với chứ!

Hoàng yến cũng hót lên cho người bạn mới nó là con chim sẻ nghe:

"Mới đây không lâu tôi còn bay lượn dưới bóng dừa xanh và bóng cây hạnh đang nở hoa. Tôi bay cùng các anh chị tôi trên rừng hoa thơm ngát, trên mặt biển trong vắt, trên bờ rợp bóng cây. Tôi cũng đã nghe nhiều con vẹt hót nhiều chuyện rất hay rất lạ.

Vẹt ngắt lời:

- Anh nghe đấy là vẹt rừng. Chúng không được dạy dỗ gì cả. "Thôi thôi để yên cho chúng tao sống làm người với chứ! Sao mày không cười ầm lên. Bà chủ và khách cũng đang cười kia kìa. Mày không biết thưởng thức những cái hay ở đời. Thôi!thôi để yên cho chúng tao sống làm người với chứ!

- Mày còn nhớ bóng dáng các cô xinh đẹp nhảy múa dưới rặng chuối đang trổ hoa hay không! Có nhớ những khu rừng già rợp bóng mát và đầy hoa

thơm quả ngọt không?

Vẹt đáp:

- Có chứ! Nhưng bây giờ tao thấy sung sướng hơn. Tao được nuôi nấng đầy đủ, được đối xử tử tế. Tao thấy thế nàyy là thoả mãn rồi không còn gì hơn nữa. Từ nay trở đi chúng ta hãy sống như người thật. Hãy bỏ giọng hót bi ai của mày đi! Hãy nói cái gì làm cho người ta cười lên. Tiếng cười biểu hiện sự thông minh đã đến tuyệt đỉnh. Chó hay ngựa có biết cười đâu? Chúng nó kêu thì được, chứ cười thì không. Chỉ có loài người mới biết cười.

Từ nay trở đi chúng ta sẽ sống như người thật.

Hoàng yến quay lại sẽ nói:

- Này chú chim sẻ xứ Đan Mạch. Thế là chú cũng bị cầm tù rồi. Chú sống trong cánh rừng chắc rét lắm, nhưng mà được tự do. Hãy quay về đi thôi. Chuông chú người ta quên đóng cửa. Phía trên lại có cái cửa sổ để ngỏ. Trốn được đấy! Trốn đi!

Không một phút do dự, chim sẻ nhảy phắt ra khỏi lồng. Cùng lúc có tiếng cửa phòng rít lên. Một ocn mèo mắt xanh lên vào săn chim. Hoàng yến vùng vẫy kêu lên. Từ nay chúng ta hãy sống với nhau như người thật! Ông tham sợ quá, vội bay vọt ra khỏi lồng, rồi chẳng phương hướng gì, cứ mãi miết bay, qua nhà cửa, phố phường. Đến lúc mỏi cánh, ông dừng lại xả hơi. Thấy nhà bên cạnh quen quen, có một cửa sổ để ngỏ, ông bay vào.

Lại chính nhà ông! Ông ngồi ngay vào bàn, chẳng suy nghĩ gì, chỉ nhắc lại câu nói của con vẹt: "Từ nay trở đi chúng ta hãy sống như người thật".

Và, kỳ diệu sao, ông tham lại biến thành ông đang ngồi ở bàn. Ông kêu lên:

- Lạ trời phù hộ! Thế nào mà mơ xong, mình lại ngồi đây! Lúc nãy mới lo làm sao chứ! Thật là đại đột!

Sáng sớm tinh mơ hôm sau, ông tham còn đang nằm trên giường đã nghe tiếng gõ cửa. Đây là một anh sinh viên khoa thần học, nhà ở phòng bên

cạnh, cùng một góc. Anh bước vào khẩn khoản:

- Bác cho tôi mượn đôi giày. Ngoài vườn ướt quá, tôi muốn ra thở hít không khí trong lành buổi sáng.

Anh xỏ giày vào chân và xuống ngay dưới vườn. Trong vườn chỉ có một cây táo và một cây mận. Nhưng giữa thủ đô Copenhagơ mà có được một mảnh vườn dù nhỏ cũng là thú vị. Anh sinh viên đi bách bộ. Trời còn sớm. Chưa đến sáu giờ. Ngoài phố bỗng vang lên tiếng tù và của người đánh xe ngựa. Nghe tiếng vó ngựa lọc cọc trên đường cái quan, anh liên tưởng ngay đến chuyện du lịch và kêu lên:

- Ôi du lịch! Du lịch thật là sung sướng, thật là hạnh phúc ở đời. Ta không mong gì hơn. Đó là liều thuốc an thần giữa lúc ta đang bị tâm can cắn rứt. Ước gì ta được sang Thụy Sĩ một chuyến, rong ruổi qua nước ý.

Cầu được ước thấy. Cũng như những người trước anh xỏ đôi giày hạnh phúc vào chân, ước cái gì được ngay cái ấy. Anh sinh viên ước đi du lịch, lập tức đôi giày đã đưa anh sang nước ý đúng như mong ước của anh. Anh ngồi trong một cái xe ngựa, giữa mấy kiện hàng. Anh thấy nhức óc, khó thở, đầu nặng như chì, máu dồn xuống đôi chân nhét chặt cứng trong ủng. Anh thấy như nửa tỉnh nửa mê; túi bên phải anh để phiếu tín dụng, túi bên trái để giấy thông hành, trên ngực lại lủng lẳng một cái túi đựng mấy đồng tiền vàng và khâu kỹ bên trong. Cứ hễ chớp mắt lại mơ thấy một thứ gì đấy. Thế là anh giật mình tỉnh dậy, vội vàng sờ xem có còn không. Chẳng đêm nào được ngủ yên giấc. Suốt ngày cứ như thấy có kẻ đến cướp đến trộm lột. Rồi mũ, ô, gậy quắc trên mui xe cứ đung đưa và vào đầu vào mặt làm anh bứt rứt khó chịu. Cảnh vật xung quanh vĩ đại, oai nghiêm, những cánh rừng từng nhô ra trên vách núi dựng đứng, đỉnh núi khuất trong sương mù. Tuyết bắt đầu rơi, trời lạnh. Anh bắt đầu cảm thấy chán cảnh ngao du nơi đây. Anh nghĩ thầm:

- Ước gì lại được sang phía bên kia dãy núi Anpơ! Sang bên ấy sẽ được sống

khí hậu mùa hè và được lĩnh tiền bằng phiếu tín dụng. Giá lạnh thế này chẳng muốn ở lại đất Thụy Sĩ nữa. Làm sao sang được bên kia núi nhỉ!

Điều mong ước của anh sinh viên lập tức được thực hiện. Chỉ một chớp mắt anh đã thấy ở bên kia dãy núi, trên đất ý, giữa Florăngxơ và Rômo. Nước hồ Traxinen lấp lánh dưới ánh nắng chiều tà nom như vàng lỏng giữa màu xanh thẫm của núi non, nơi xưa kia Anniban đã đánh bại những cây du thụ xanh tươi một cách thanh bình. Bọn trẻ con mình trần đang chần đần lộn độn trong cánh rừng nguyệt quế màu hồng toả hương thơm ngát hai bên đường. Giá tôi có tài mô tả được đầy đủ cảnh tượng mỹ lệ nơi đây, chắc bạn đọc phải kêu lên: "nước ý đẹp quá!" Nhưng anh sinh viên của chúng ta và các khách du đi cùng xe với anh, chẳng ai reo lên như thế một lời nào.

Côn trùng và ruồi muỗi bay quanh chiếc xe. Họ lấy càn xim xua chúng đi nhưng không được. Không một người nào trong xe không bị chúng đốt cho sưng mắt. Chúng bâu vào cả mắt mắt những con ngựa kéo xe, làm ngựa phải vất vả mới nhìn ra đường đi. Từng đàn ruồi xông vào đốt chúng, người đánh xe liên tục xuống xe đuổi ruồi cho chúng. Lúc mặt trời lặn, gió nổi lên làm cảnh vật rung chuyển. Núi non toàn một màu xanh ngắt. Đến tận nơi ngắm mới thấy thật là hùng vĩ. Những lúc này du khách đang đói bụng. Họ mong được gặp một quán trọ để ăn nghỉ hơn là cảnh đẹp thiên nhiên.

Lúc qua một cánh rừng ô-liu, anh sinh viên thần học lại nhớ về tổ quốc mình. Anh thấy những cây ô-liu ấy không đẹp bằng những cây liễu già xu xi đầy màu nơi quê hương mình. Đi thêm một quãng nữa, họ đến một quán trọ quanh hiu. Trước cửa quán là một tốp ăn mày, người thì chân thọt, người thì mụn nhọt đầy tay, người thì tay thọt đến tận khuỷu. Họ thi nhau kêu xin cứu giúp, giọng rên rỉ xé ruột xé gan. Anh sinh viên vất vả lắm mới thoát khỏi vòng vây của họ, để vào quán trọ. Chủ quán là một cụ già, quần áo bẩn thỉu, đi đất, tóc xoã, miệng mỉm cười, trông ghớm ghê như con quỷ cái, ra mời

khách. Cửa quán buộc bằng dây thừng, trần nhà đầy dơi đậu, một mùi hôi kinh khủng vào mũi.

Một khách hàng hỏi:

- Dọn bàn ăn xuống chuồng ngựa có được không, bà chủ. Xuống đây chỉ có riêng mùi phân ngựa, chứ ở đây đủ mọi thứ mùi, ngồi đây ăn sao nổi.

Bà chủ quán hiểu ý, ghé mở cửa phòng cho thoáng; nhưng cửa vừa mở, cả đoàn ăn xin xô đến, van nài:

- Xin các ông các bà cứu khổ cứu nạn, giúp cho kẻ khốn cùng.

Nhà hàng bung mâm ra. Vừa đặt mâm xuống mùi hạt tiêu và dầu xả xông lên. Trứng thì ung, thịt gà thì khét, rượu vang thì pha, khó uống quá, đắng như thuốc.

Đêm ngủ không an toàn. Khách phải lấy xích sắt cửa, thay nhau thức để canh gác. Trong nhà không khí ngột thở. Bên ngoài lũ ăn mày vẫn lắm nhảm: "Xin các ông các bà cứu khổ cứu nạn, giúp cho kẻ khốn cùng."

Trong lúc còn đang mắt nhắm mắt mở, anh sinh viên thần học cứ tưởng mình đang trên giường một căn phòng, giữa thủ đô Copenhagơ, dưới kia là mảnh vườn nhỏ có cây táo và cây mận.

Đến lúc tỉnh hẳn, anh ta mới nhớ ra rằng mình đang trên đường đi du lịch tại nước ý. Dần dần anh nhớ ra những nhọc nhằn vừa trải qua và những chán ngán gặp phải trên đường. Rồi anh nằm chèn chúc trên một ổ rơm hôi hám, chốc nữa mới dậy lại ngồi vào bàn ăn món gà khét lẹt, trứng trứng ung, rượu vang pha uống đắng như uống thuốc trong một căn phòng bí hơi, vừa ăn vừa nghe lũ ăn mày lắm nhảm ngoài cửa: "Lạy ông, lạy bà, cứu khổ cứu nạn, giúp kẻ bần cùng".

Anh sinh viên nghĩ bụng:

- Giá đi du lịch mà chỉ đem theo cái hồn thôi thì khoái biết mấy! Chứ như thể này thì phiền toái quá! Ước gì mình chỉ có linh hồn không thôi nhỉ. Như

vậy khoái hơn, cứ như thế này chẳng khoái tí nào!

Anh sinh viên nghĩ như thế bỗng dung anh thấy mình đang ở quê nhà. Rèm trắng dài buông rủ trên các cửa sổ. Giữa phòng đặt một chiếc quan tài sơn đen, trong đó xác anh sinh viên đang nằm ngay ra bất động, còn linh hồn thì đang chu du thiên hạ.

Một học giả Aten cổ đại là Xôlông đã có lần nói:

"Đừng có vội vàng nhận định ai sung sướng trước khi người ấy chết".

Câu nói ấy của nhà học uyên thâm đã được thể hiện trong câu chuyện tôi kể trên đây.

Hai cái bóng bước vào phòng. Đó là thần Trùng phạt và sứ giả của thần Hạnh phúc. Hai thần ghé xuống nhìn xác chết.

Thần Trùng phạt hỏi:

- Đi giày hạnh phúc đã đem lại hạnh phúc gì cho người trần?

Thần kia trả lời:

- Đã đem cái chết dịu dàng, cái chết giữa tuổi thanh xuân cho anh ta trước khi anh ta phải nếm mùi khổ hạnh của cuộc sống.

- Cô nhầm rồi! Thần trùng phạt lại nói. - Anh ta đã chết quá sớm. Sống chưa hết kiếp. Do vậy tuy anh ta có quyền hưởng hạnh phúc sau nhiều thử thách gian lao, nhưng anh ta đã không được hưởng. Ta sẽ thực sự cứu giúp anh ta. Nói rồi thần trùng phạt tháo đôi giày hạnh phúc từ chân anh ra. Anh sinh viên bỗng tỉnh dậy. Cả thần Trùng phạt lẫn đôi giày biến mất.

(Hết)